

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-05-2026

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Nhân
- Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Diễm T, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Diễm T và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diễm T và anh Nguyễn Thành T1 tự nguyện kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ vào năm 2004. Trong thời gian chung sống cả hai xảy ra mâu

thuần do bất đồng quan điểm dù đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không thành. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Diễm T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành T1; Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân cả hai có hai người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 22/11/2004 (giới tính nam) và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/9/2014 (giới tính nam) đối với cháu Nguyễn Thanh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Nguyễn Hoàng Q đang sinh sống với chị Trần Diễm T nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Thành Trung cấp D nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T1 không có văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú xã T, thành phố Cần Thơ, do đó Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diễm T và anh Nguyễn Thành T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (cũ) vào năm 2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo trình bày của nguyên đơn, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, mặc dù đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Xét thấy, bị đơn không tham gia tố tụng, không thể hiện thiện chí đoàn tụ hay có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Diễm T đối với anh Nguyễn Thành T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Diễm T và anh Nguyễn Thành T1 có hai người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 22/11/2004 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/9/2014.

Đối với cháu Nguyễn Thanh H đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Hoàng Q hiện đang sinh sống ổn định cùng chị Trần Diễm T. Xét thấy cháu còn nhỏ, việc giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện ổn định về học tập, sinh hoạt và phát triển tâm sinh lý. Đồng thời, bị đơn không có ý kiến tranh chấp về quyền nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Hoàng Q cho chị Trần Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Diễm T không yêu cầu anh Nguyễn Thành Trung cấp D nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Diễm T được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành T1.

2. Về con chung: Chị Trần Diễm T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/9/2014 (giới tính nam) đến khi đủ 18 tuổi;

Anh Nguyễn Thành T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thành T1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Diễm T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002204 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của T2 hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13-Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu